**24 CÂU HỎI ĐÁP PHÁP LUẬT**

*(Về Luật Tố cáo năm 2018, Luật An ninh mạng năm 2018*

*và Luật Cạnh tranh năm 2018)*

**1. Tôi có nghe đài phát thanh thông tin về mã độc được phát tán để xâm nhập vào các hệ điều hành Window, MacOS,… để lấy thông tin của máy chủ. Xin hỏi, tên gọi của hoạt động này?**

**Trả lời:**

Hoạt động nói trên được gọi là gián điệp mạng. Theo Khoản 10 Điều 2 Luật an ninh mạng năm 2018 (sau đây gọi là Luật an ninh mạng), gián điệp mạng là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, mật mã, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác hoặc bằng phương thức khác để chiếm đoạt, thu thập trái phép thông tin, tài nguyên thông tin trên mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**2. Đề nghị cho biết chính sách của Nhà nước về an ninh mạng?**

**Trả lời:**

Theo Điều 3 Luật an ninh mạng, chính sách của Nhà nước về an ninh mạng bao gồm:

Ưu tiên bảo vệ an ninh mạng trong quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đối ngoại.

Xây dựng không gian mạng lành mạnh, không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Ưu tiên nguồn lực xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng; nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng và tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng; ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ để bảo vệ an ninh mạng.

Khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng, xử lý các nguy cơ đe dọa an ninh mạng; nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng nhằm bảo vệ an ninh mạng; phối hợp với cơ quan chức năng trong bảo vệ an ninh mạng.

Tăng cường hợp tác quốc tế về an ninh mạng.

**3. Tôi được biết, với sự phát triển của các loại tội phạm an ninh mạng trên thế giới, ngày nay, cần tăng cường hơn nữa các hoạt động hợp tác quốc tế về an ninh mạng. Xin hỏi, pháp luật có quy định nội dung hợp tác quốc tế về an ninh mạng không?**

**Trả lời:**

Hợp tác quốc tế về an ninh mạng được Luật an ninh mạng quy định thành một điều luật cụ thể, trong đó, nội dung hợp tác quốc tế về an ninh mạng được quy định tại Khoản 2 Điều 7 Luật an ninh mạng, bao gồm:

- Nghiên cứu, phân tích xu hướng an ninh mạng;

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh hợp tác giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động về an ninh mạng;

- Chia sẻ thông tin, kinh nghiệm; hỗ trợ đào tạo, trang thiết bị, công nghệ bảo vệ an ninh mạng;

- Phòng, chống tội phạm mạng, hành vi xâm phạm an ninh mạng; ngăn ngừa các nguy cơ đe dọa an ninh mạng;

- Tư vấn, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an ninh mạng;

- Tổ chức hội nghị, hội thảo và diễn đàn quốc tế về an ninh mạng;

- Ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về an ninh mạng;

- Thực hiện chương trình, dự án hợp tác quốc tế về an ninh mạng;

- Hoạt động hợp tác quốc tế khác về an ninh mạng.

**4. Vừa qua, tin tặc đã phát tán phần mềm chứa mã độc tấn công vào hệ thống an ninh mạng của Bộ X. Xin hỏi, hành vi này bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Đề nghị trả lời vào việc xử lý.

**tin tặc đã phát tán phần mềm chứa mã độc đương nhiên là hành vi bị nghiêm cấm rồi**

**Hoặc dặt lại câu hỏi: Luật an ninh mạng nghiêm cấm những hành vi nào?**

Theo Khoản 3 Điều 8 Luật an ninh mạng, pháp luật nghiêm cấm hành vi: Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

Như vậy, đối với hành vi nói trên thuộc trường hợp bị Luật an ninh mạng nghiêm cấm.

**5. Đề nghị cho biết quy định của pháp luật về giám sát an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia?**

**Trả lời:**

Theo Điều 14 Luật an ninh mạng, giám sát an ninh mạng là  hoạt động thu thập, phân tích tình hình nhằm xác định nguy cơ đe dọa an ninh mạng, sự cố an ninh mạng, điểm yếu, lỗ hổng bảo mật, mã độc, phần cứng độc hại để cảnh báo, khắc phục, xử lý.

Chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia chủ trì, phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng có thẩm quyền thường xuyên thực hiện giám sát an ninh mạng đối với hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý; xây dựng cơ chế tự cảnh báo và tiếp nhận cảnh báo về nguy cơ đe dọa an ninh mạng, sự cố an ninh mạng, điểm yếu, lỗ hổng bảo mật, mã độc, phần cứng độc hại và đề ra phương án ứng phó, khắc phục khẩn cấp.

Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thực hiện giám sát an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia thuộc phạm vi quản lý; cảnh báo và phối hợp với chủ quản hệ thống thông tin trong khắc phục, xử lý các nguy cơ đe dọa an ninh mạng, sự cố an ninh mạng, điểm yếu, lỗ hổng bảo mật, mã độc, phần cứng độc hại xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

**6. An nói hành vi tấn công vào hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia là tình huống nguy hiểm về an ninh mạng. Bình lại cho rằng hành vi tấn công nhiều hệ thống thông tin trên quy mô lớn, cường độ cao mới là tình huống nguy hiểm về an ninh mạng. Vậy ai là người nói đúng?**

**Trả lời:**

Cả 2 bạn An và Bình đều nói đúng, các hành vi nêu trên đều là tình huống nguy hiểm về an ninh mạng, được quy định tại Điều 21 Luật an ninh mạng.

**7. Đề nghị cho biết việc xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng được quy định tại Khoản 4 Điều 21 Luật an ninh mạng, cụ thể:

Khi phát hiện tình huống nguy hiểm về an ninh mạng, cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời thông báo cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và áp dụng ngay các biện pháp: Triển khai ngay phương án phòng ngừa, ứng phó khẩn cấp về an ninh mạng, ngăn chặn, loại trừ hoặc giảm nhẹ thiệt hại do tình huống nguy hiểm về an ninh mạng gây ra; thông báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng trong phạm vi cả nước hoặc từng địa phương hoặc đối với một mục tiêu cụ thể.

Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quân sự và hệ thống thông tin cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ;

- Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật an ninh mạng để xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thực hiện biện pháp nhằm ngăn chặn, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng.

**8. Tôi nghe các cơ quan truyền thông nói về hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia. Tuy nhiên, do chưa có điều kiện tìm hiểu nên chưa biết hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia là gì? Đề nghị chỉ rõ quy định của pháp luật về nội dung này?**

**Trả lời:**

Theo Điều 10 Luật an ninh mạng, hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia là hệ thống thông tin khi bị sự cố, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt, tấn công hoặc phá hoại sẽ xâm phạm nghiêm trọng an ninh mạng.

Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bao gồm:

- Hệ thống thông tin quân sự, an ninh, ngoại giao, cơ yếu;

- Hệ thống thông tin lưu trữ, xử lý thông tin thuộc bí mật nhà nước;

- Hệ thống thông tin phục vụ lưu giữ, bảo quản hiện vật, tài liệu có giá trị đặc biệt quan trọng;

- Hệ thống thông tin phục vụ bảo quản vật liệu, chất đặc biệt nguy hiểm đối với con người, môi trường sinh thái;

- Hệ thống thông tin phục vụ bảo quản, chế tạo, quản lý cơ sở vật chất đặc biệt quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia;

- Hệ thống thông tin quan trọng phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức ở trung ương;

- Hệ thống thông tin quốc gia thuộc lĩnh vực năng lượng, tài chính, ngân hàng, viễn thông, giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường, hóa chất, y tế, văn hóa, báo chí;

- Hệ thống điều khiển và giám sát tự động tại công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

**9.** **Doanh nghiệp M và doanh nghiệp Z cùng sản xuất, kinh doanh gốm sứ (bát, ấm chén, bình hoa…). Lãnh đạo 2 doanh nghiệp này đã cùng thỏa thuận, thống nhất với nhau về giá bán ra của một số sản phẩm mà hai doanh nghiệp cùng cung cấp ra thị trường. Đề nghị cho biết, theo Luật Cạnh tranh năm 2018, hành vi thỏa thuận nêu trên có được coi là thỏa thuận hạn chế cạnh tranh không?**

**Trả lời:**

Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh là hành vi thỏa thuận giữa các bên dưới mọi hình thức gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh (Theo Khoản 4 Điều 3 Luật Cạnh tranh năm 2018). Điều 11 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định 11 nhóm hành vi được coi là thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, bao gồm:

(i) Thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;

(ii) Thỏa thuận phân chia khách hàng, phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

(iii) Thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

(iv) Thỏa thuận để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu khi tham gia đấu thầu trong việc cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

(v) Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm, không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh;

(vi) Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường những doanh nghiệp không phải là các bên tham gia thỏa thuận;

(vii) Thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư;

(viii) Thỏa thuận áp đặt hoặc ấn định điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho doanh nghiệp khác hoặc thỏa thuận buộc doanh nghiệp khác chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng;

(ix) Thỏa thuận không giao dịch với các bên không tham gia thỏa thuận;

(x) Thỏa thuận hạn chế thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ của các bên không tham gia thỏa thuận;

(xi) Thỏa thuận khác gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh.

**Căn cứ vào Khoản 1 Điều 11 Luật Cạnh tranh năm 2018, hành vi thống nhất giá bán ra của một số sản phẩm mà hai doanh nghiệp M và Z cùng kinh doanh là** là thỏa thuận hạn chế cạnh tranh.

**10. Đề nghị cho biết, những yếu tố để xác định doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường?**

**Trả lời:**

Có 02 yếu tố để xác định vị trí thống lĩnh thị trường của doanh nghiệp:

- Một là: doanh nghiệp có sức mạnh thị trường đáng kể;

- Hai là: doanh nghiệp có thị phần từ 30% trở lên trên thị trường liên quan.

Doanh nghiệp nào đạt một trong hai yếu tố trên (theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Luật Cạnh tranh năm 2018) thì được xác định là doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường.

**Về xác định s**ức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Cạnh tranh năm 2018, gồm một số yếu tố sau đây:

(i) Tương quan thị phần giữa các doanh nghiệp trên thị trường liên quan;

(ii) Sức mạnh tài chính, quy mô của doanh nghiệp;

(iii) Rào cản gia nhập, mở rộng thị trường đối với doanh nghiệp khác;

(iv) Khả năng nắm giữ, tiếp cận, kiểm soát thị trường phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ hoặc nguồn cung hàng hóa, dịch vụ;

(v) Lợi thế về công nghệ, hạ tầng kỹ thuật;

(vi) Quyền sở hữu, nắm giữ, tiếp cận cơ sở hạ tầng;

(vii) Quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;

(viii) Khả năng chuyển sang nguồn cung hoặc cầu đối với các hàng hóa, dịch vụ liên quan khác;

(ix) Các yếu tố đặc thù trong ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh.

**11. Theo Luật Cạnh tranh năm 2018, tiêu chí nào để xác định nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 24 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định về việc xác định **nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường. Theo đó,** nhóm doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường nếu cùng hành động gây tác động hạn chế cạnh tranh và có sức mạnh thị trường đáng kể được xác định theo quy định tại Điều 26 của Luật này (xem thêm câu 3) hoặc có tổng thị phần thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Hai doanh nghiệp có tổng thị phần từ 50% trở lên trên thị trường liên quan;

- Ba doanh nghiệp có tổng thị phần từ 65% trở lên trên thị trường liên quan;

- Bốn doanh nghiệp có tổng thị phần từ 75% trở lên trên thị trường liên quan;

- Năm doanh nghiệp trở lên có tổng thị phần từ 85% trở lên trên thị trường liên quan.

Lưu ý là nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường quy định nêu trên không bao gồm doanh nghiệp có thị phần ít hơn 10% trên thị trường liên quan.

**12. Đâu là các hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm theo Luật Cạnh tranh năm 2018?**

**Trả lời:**

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác (Theo khoản 6 Điều 3 Luật Cạnh tranh năm 2018).

Theo **Điều 45 Luật Cạnh tranh năm 2018, các hành vi sau đây được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm:**

**1. Hành vi x**âm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh dưới các hình thức: (i) Tiếp cận, thu thập thông tin bí mật trong kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu thông tin đó; (ii) Tiết lộ, sử dụng thông tin bí mật trong kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó.

**2.** Ép buộc khách hàng, đối tác kinh doanh của doanh nghiệp khác bằng hành vi đe dọa hoặc cưỡng ép để buộc họ không giao dịch hoặc ngừng giao dịch với doanh nghiệp đó.

**3.** Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp đưa thông tin không trung thực về doanh nghiệp gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó.

**4.** Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp cản trở, làm gián đoạn hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp đó.

**5.** Lôi kéo khách hàng bất chính bằng các hình thức: (i) Đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng về doanh nghiệp hoặc hàng hóa, dịch vụ, khuyến mại, điều kiện giao dịch liên quan đến hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp nhằm thu hút khách hàng của doanh nghiệp khác; (ii) So sánh hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch vụ cùng loại của doanh nghiệp khác nhưng không chứng minh được nội dung.

**6.** Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến loại bỏ doanh nghiệp khác cùng kinh doanh loại hàng hóa, dịch vụ đó.

**7.** Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác bị cấm theo quy định của luật khác.

**13. Công ty P chuyên sản xuất mặt hàng là các sản phẩm dụng cụ nhà bếp đã quảng cáo sản phẩm chảo chống dính như sau “có độ cứng như kim cương” kèm theo hình ảnh chiếc chảo bị xe lu cán qua nhưng vẫn nguyên vẹn, không hề thay đổi hình dạng. Việc quảng cáo nêu trên của công ty P có phải là hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị pháp luật cấm theo Luật Cạnh tranh năm 2018 không?**

**Trả lời:**

Điểm a khoản 5 Điều 45 Luật cạnh tranh 2018 quy định, cấm việc lôi kéo khách hàng bất chính bằng một trong các hình thức: *“Đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng về doanh nghiệp hoặc hàng hóa, dịch vụ, khuyến mại, điều kiện giao dịch liên quan đến hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp nhằm thu hút khách hàng của doanh nghiệp khác”.* Với nội dung nêu trên, quảng cáo đã truyền tải thông điệp đến người tiêu dùng sản phẩm của công ty P sản xuất mang tính chất thổi phồng sự thật, có mục đích đưa thông tin gian dối tới người tiêu dùng. Do đó, hành vi nêu trên của công ty P được xác định là hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị pháp luật cấm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 45 Luật Cạnh tranh năm 2018.

**14. Công ty V là công ty chuyên sản xuất nước mắm đã quảng cáo trên một số tờ báo lớn, trong đó có nội dung so sánh sản phẩm do công ty mình sản xuất với sản phẩm tương tự do công ty D sản xuất. Công ty V cho rằng, sản phẩm mình bán ra trên thị trường được làm từ nguồn gốc an toàn, có màu sắc tự nhiên, đạt chuẩn an toàn về thạch tín hơn so với sản phẩm của công ty D. Hành vi nêu trên của công ty V có bị pháp luật cấm theo Luật Cạnh tranh năm 2018 không?**

**Trả lời:**

Điểm b Khoản 5 Điều 45 Luật cạnh tranh 2018 quy định, cấm việc lôi kéo khách hàng bất chính bằng một trong các hình thức: *“So sánh hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch vụ cùng loại của doanh nghiệp khác nhưng không chứng minh được nội dung”.* Như vậy, quảng cáo của Công ty V đã có hành vi so sánh hàng hóa của công ty mình so với hàng hóa cùng loại (trong trường hợp này là nước mắm) do công ty D sản xuất. Nội dung quảng cáo có sự so sánh về màu sắc, độ an toàn, tiêu chuẩn về thạch tín giữa hai sản phẩm của hai công ty. Do đó, hành vi nêu trên của công ty V là hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị pháp luật cấm theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 45 Luật Cạnh tranh năm 2018.

**15. Công ty K tổ chức trưng bày, triển lãm giới thiệu các tour du lịch. Để quảng cáo các gói du lịch của mình, các nhân viên của công ty đã giới thiệu cho các khách hàng rằng Công ty du lịch Y cung cấp dịch vụ chất lượng kém, thường bỏ rơi khách du lịch; đồng thời đưa thông tin Công ty Y sắp phá sản nhằm làm giảm lòng tin của khách hàng. Đề nghị cho biết, hành vi nêu trên của công ty K có bị pháp luật cấm theo Luật Cạnh tranh năm 2018 không?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 45 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định, cấm việc *“cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp đưa thông tin không trung thực về doanh nghiệp gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó*”. Với việc đưa tin không có tính xác thực về việc hoạt động kinh doanh của công ty Y đã làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động kinh doanh của công ty Y nên hành vi của công ty K là hành vi cạnh tranh không lành mạnh và bị cấm theo khoản 3 Điều 45 Luật Cạnh tranh năm 2018.

**16. Để lấy cắp công thức sản xuất đồ ăn dành cho động vật của công ty K, công ty H đã cử chị C sang công ty K xin vào làm công nhân để đánh cắp thông tin. Sau một thời gian làm việc, chị K đã lấy được thông tin cho công ty H. Công ty H đã sử dụng thông tin để sản xuất sản phẩm trong chiến lược kinh doanh mới. Hành vi nêu trên của công ty H có phải là hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm theo Luật Cạnh tranh năm 2018 không?**

**Trả lời:**

**Khoản 1 Điều 45 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định cấm x**âm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh dưới các hình thức sau đây: (i) Tiếp cận, thu thập thông tin bí mật trong kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu thông tin đó; (ii) Tiết lộ, sử dụng thông tin bí mật trong kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó.

Công ty H đã có hành vi cho chị C tiếp cận, thu thập bí mật kinh doanh của công ty K mà công ty K không hề biết. Như vậy, hành vi của công ty H đã thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm theo Luật Cạnh tranh năm 2018.

**17. Tại sao các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải có trách nhiệm bảo vệ người tố cáo?**

**Trả lời:**

Bảo vệ người tố cáo là trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bảo đảm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người tố cáo; khuyến khích, động viên người dân dũng cảm đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm pháp luật, giúp các cơ quan nhà nước phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật. Bảo vệ người tố cáo thể hiện bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Thực tế cho thấy, rất nhiều hành vi tham nhũng, tiêu cực của những người có chức vụ, quyền hạn được phát hiện thông qua việc tố cáo của quần chúng và báo chí mà không phải qua các cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, xét ở một khía cạnh nào đó, chúng ta cần tuyên truyền, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện đúng quyền tố cáo, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi mà cuộc đấu tranh chống tham nhũng đang là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách của Đảng và Nhà nước. Trong đa số các trường hợp, người tố cáo thường ở vị trí yếu thế dễ bị trả thù trù dập. Có những trường hợp, không chỉ người tố cáo mà còn cả người thân thích của họ cũng bị đe doạ, trù dập, trả thù. Nhiều trường hợp người tố cáo vì sợ bị trù dập, trả thù mà không dám tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật”. Chính vì vậy, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đang đặt ra, Luật tố cáo đã giành hẳn một chương (Chương VI: từ Điều 47 đến Điều 58 để quy định về bảo vệ người tố cáo).

**18. Anh A vừa làm đơn tố cáo gửi cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của một công chức nhưng anh rất lo sợ mình và gia đình sẽ bị trù dập, trả thù. Anh muốn biết pháp luật có quy định về việc bảo vệ người tố cáo và gia đình của họ không?**

**Trả lời:**

Điều 47 Luật tố cáo quy định bảo vệ người tố cáo là việc bảo vệ bí mật thông tin của người tố cáo; bảo vệ vị trí công tác, việc làm, tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo, vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người tố cáo (gọi chung là người được bảo vệ).

Người tố cáo được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, trừ trường hợp người tố cáo tự tiết lộ.

Khi có căn cứ về việc vị trí công tác, việc làm, tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo hoặc vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người tố cáo đang bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại ngay tức khắc hay họ bị trù dập, phân biệt đối xử do việc tố cáo, người giải quyết tố cáo, cơ quan khác có thẩm quyền tự quyết định hoặc theo đề nghị của người tố cáo quyết định việc áp dụng biện pháp bảo vệ cần thiết.

**19. Khi nộp đơn tố cáo về hành vi sách nhiễu, cửa quyền của công chức khi giải quyết thủ tục hành chính, ông T được cán bộ tiếp dân giải thích sẽ được cơ quan có thẩm quyền giữ bí mật về các thông tin cá nhân. Xin hỏi, tại sao trong quá trình giải quyết tố cáo, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải giữ bí mật thông tin về người tố cáo? Biện pháp bảo vệ bí mật thông tin của người tố cáo?**

**Trả lời:**

Thông qua việc tố cáo của người dân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền biết được hành vi vi phạm và tiến hành xử lý đối với người có hành vi vi phạm đó. Điều này có thể dẫn đến việc người bị tố cáo có hành vi trả thù, trù dập người tố cáo. Do đó, cơ quan nhà nước khi tiến hành giải quyết tố cáo thì cần phải đảm bảo giữ bí mật những thông tin cần thiết để bảo vệ cho người tố cáo, tạo cho họ sự yên tâm khi tố cáo hành vi vi phạm pháp luật. Chính vì vậy, Điều 4 Luật tố cáo đã quy định về nguyên tắc giải quyết tố cáo, trong đó có nguyên tắc phải bảo đảm an toàn cho người tố cáo

Theo Điều 56 Luật tố cáo quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi tiếp nhận, chuyển đơn tố cáo, giải quyết tố cáo căn cứ vào tình hình cụ thể quyết định áp dụng biện pháp sau đây:

- Giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của người tố cáo trong quá trình khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu do người tố cáo cung cấp;

- Lược bỏ họ tên, địa chỉ, bút tích, các thông tin cá nhân khác của người tố cáo ra khỏi đơn tố cáo và các tài liệu, chứng cứ kèm theo để quản lý theo chế độ mật khi giao cơ quan, tổ chức, cá nhân xác minh nội dung tố cáo;

- Bố trí thời gian, địa điểm, lựa chọn phương thức làm việc phù hợp để bảo vệ bí mật thông tin cho người tố cáo khi làm việc trực tiếp với người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Áp dụng biện pháp khác theo quy định của pháp luật;

- Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng biện pháp cần thiết để giữ bí mật thông tin của người tố cáo.

**20. Xin hỏi, có quan nào có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo?**

**Trả lời:**

Điều 49 Luật tố cáo quy định về các cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo như sau:

- Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin, vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ thuộc quyền quản lý và những nội dung bảo vệ khác nếu thuộc thẩm quyền của mình; trường hợp không thuộc thẩm quyền thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ.

- Cơ quan tiếp nhận, xác minh nội dung tố cáo có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin của người tố cáo.

- Cơ quan Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ.

- Cơ quan quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức, lao động, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ.

- Ủy ban nhân dân các cấp, Công đoàn các cấp, cơ quan, tổ chức khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ thực hiện việc bảo vệ bí mật thông tin, vị trí công tác, việc làm, tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ.

**21. Ngày 10/11/2018, chị E nhận được một tin nhắn của số máy lạ với nội dung “Hãy trông con cho cẩn thận”. Cho rằng tin nhắn này có mục đích đe dọa, trả thù chị do đã tố cáo hộ kinh doanh X có hành vi buôn bán lấn chiếm lòng đường, vỉa hè. Chị muốn đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo. Xin hỏi, chị E phải làm như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 50 Luật tố cáo, khi có căn cứ về việc tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của mình hoặc người thân bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại, thì chị E có văn bản đề nghị người giải quyết tố cáo áp dụng biện pháp bảo vệ.

- Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phải có các nội dung chính sau đây:

+ Ngày, tháng, năm đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ;

+ Họ tên, địa chỉ của người tố cáo; họ tên, địa chỉ của người cần được bảo vệ;

+ Lý do và nội dung đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ;

+ Chữ ký hoặc điểm chỉ của người tố cáo.

- Trường hợp khẩn cấp, chị E có thể trực tiếp đến đề nghị hoặc thông qua điện thoại đề nghị người giải quyết tố cáo áp dụng biện pháp bảo vệ ngay nhưng sau đó nội dung đề nghị phải được thể hiện bằng văn bản.

**22. Anh B là công chức của phòng X. Phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật của trưởng phòng trong quá trình thực thi công vụ, anh đã làm đơn tố cáo với cấp trên. Tuy nhiên, sau đó, trưởng phòng X có biểu hiện trù dập, gây khó cho anh trong giải quyết công việc. Xin hỏi, biện pháp bảo vệ có thể được áp dụng cho anh B trong trường hợp này?**

**Trả lời:**

Điều 59 Luật Tố cáo các biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ là cán bộ, công chức, viên chức bao gồm:

- Tạm đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định xử lý kỷ luật hoặc quyết định khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo vệ;

- Khôi phục vị trí công tác, vị trí việc làm, các khoản thu nhập và lợi ích hợp pháp khác từ việc làm cho người được bảo vệ;

- Xem xét bố trí công tác khác cho người được bảo vệ nếu có sự đồng ý của họ để tránh bị trù dập, phân biệt đối xử;

- Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với người có hành vi trả thù, trù dập, đe dọa làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo vệ.

Trong trường hợp này, anh K có thể kiến nghị cơ quan cấp trên xem xét, áp dụng các biện pháp nêu trên để bảo vệ vị trí công tác, việc làm của anh.

**23. Xin hỏi, người tố cáo được bảo vệ có quyền và nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Trách nhiệm chính trong việc bảo vệ người tố cáo thuộc về người giải quyết tố cáo. Tuy nhiên, người tố cáo được bảo vệ cũng phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều 48 Luật tố cáo, cụ thể có các quyền: Được biết về các biện pháp bảo vệ; được giải thích về quyền và nghĩa vụ khi được áp dụng biện pháp bảo vệ; đề nghị thay đổi, bổ sung, chấm dứt việc áp dụng biện pháp bảo vệ; từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ;được bồi thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong trường hợp người tố cáo đã đề nghị người giải quyết tố cáo, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ mà không áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc áp dụng không kịp thời, không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tinh thần cho người được bảo vệ.

Bên cạnh các quyền trên, người tố cáo có các nghĩa vụ: Chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ; giữ bí mật thông tin về việc được bảo vệ; thông báo kịp thời đến cơ quan áp dụng biện pháp bảo vệ về những vấn đề phát sinh trong thời gian được bảo vệ.

**24. Sau khi nộp đơn tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của một cán bộ, anh C thường nhận được những cuộc gọi đe dọa, yêu cầu rút đơn tố cáo, thi thoảng anh còn gặp những tai nạn như tông xe, bị vật liệu xây dựng rơi trúng…Anh nghi ngờ có người thực hiện trả thù vì việc nộp đơn tố cáo của anh. Anh C có thể được áp dụng những biện pháp bảo vệ gì?**

**Trả lời:**

Khi nhận được đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ người tố cáo hoặc người thân của họ bị xâm phạm hoặc có nguy cơ bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, tài sản, danh dự, nhân phẩm, người được bảo vệ sẽ được áp dụng các biện pháp sau:

- Đưa người được bảo vệ đến nơi an toàn.

- Bố trí lực lượng, phương tiện, công cụ để trực tiếp bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm cho người được bảo vệ tại nơi cần thiết.

- Áp dụng biện pháp cần thiết để ngăn chặn, xử lý hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu người có hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ chấm dứt hành vi vi phạm.

- Biện pháp khác theo quy định của pháp luật.